

Số: 907/BC-ĐHNL-HSSV

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 9 năm 2024

V/v báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2023 - 2024

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị

Thực hiện kế hoạch số 1188/KH-ĐHNL-QLCL, ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm V/v kế hoạch khảo sát các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 02/5/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm V/v công nhận tốt nghiệp hệ Đại học chính quy đợt tháng 4 năm 2024; Quyết định số 547/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08/7/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm V/v công nhận tốt nghiệp hệ Đại học chính quy đợt tháng 6 năm 2024;

Căn cứ thông báo số 691/TB-CTHSSV, ngày 14/8/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm V/v khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2023 - 2024;

Căn cứ vào thông báo số 705/TB-ĐHNL-HSSV, ngày 16/8/2024 của Hiệu trưởng v/v tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng Đại học năm 2024

Phòng Công tác HSSV đã triển khai khảo sát sinh viên trước khi tốt nghiệp và báo cáo kết quả như sau:

I. Mục đích khảo sát

Làm căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh các lĩnh vực, hoạt động trong công tác đào tạo và nghiên cứu của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo người học đáp ứng nhu cầu của xã hội.

II. Quá trình thực hiện

1. **Đối tượng:** Sinh viên tốt nghiệp theo Quyết định số 381/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 02/5/2024; Quyết định số 547/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08/7/2024.

2. **Phương pháp:** Sinh viên thực hiện khảo sát online theo bộ câu hỏi của Nhà trường đã xây dựng.

3. **Thời gian khảo sát:** Lấy phiếu ý kiến phản hồi từ tháng 01 tháng 12 năm 2023 đến ngày 10 tháng 9 năm 2024.

III. Thống kê kết quả

1. Mô tả phiếu khảo sát

- Phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp bao gồm 34 câu hỏi, được chia thành 7 phần. Phần 1 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo; Phần 2 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo; Phần 3 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Cơ sở vật chất; Phần 4 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên; Phần 5 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Hoạt động kiểm tra, đánh giá; Phần 6 bao gồm các câu hỏi liên quan đến

hoạt động đoàn thể, kết nối và phục vụ cộng đồng; Phần 7 bao gồm các câu hỏi liên quan đến Đánh giá sự hài lòng của người học khi học tập tại trường.

- Sinh viên trả lời bằng cách trợn vào 1 trong 5 mức: 1: Hoàn toàn không đồng ý (*Hoàn toàn không hài lòng*); 2: Không đồng ý (*Không hài lòng*); 3: Phân vân (*Bình thường*); 4: Đồng ý (*Hài lòng*); 5: Hoàn toàn đồng ý (*Hoàn toàn hài lòng*).

2. Kết quả khảo sát

2.1. Đánh giá chung

- Nhìn chung các em sinh viên tích cực trong việc phản hồi với các nội dung của nhà trường trong phiếu hỏi.

- Tổng số sinh viên tốt nghiệp theo Quyết định: 143 sinh viên.

- Có 97 sinh viên tham gia khảo sát, chiếm tỷ lệ: 67,83%

- Số lượng sinh viên không tham gia khảo sát 46 chiếm tỷ lệ: 32,16%

2.2. Nguyên nhân số lượng sinh viên không tham gia khảo sát

- Do Nhà trường chuyển đổi phần mềm quản lý IU sang phần mềm Nam Việt nên việc hoàn thiện nội dung khảo sát online trên phần mềm mới bị chậm, lỗi phần mềm.

- Một số đơn vị chuyên môn quản lý sinh viên chưa vào cuộc sát sao trong việc triển khai tới sinh viên nội dung khảo sát. Bên cạnh đó, vẫn còn sinh viên chưa quan tâm đến công tác khảo sát phản hồi ý kiến của mình với nhà trường.

2.2. Kết quả cụ thể

1: Hoàn toàn không đồng ý (*Hoàn toàn không hài lòng*); 2: Không đồng ý (*Không hài lòng*); 3: Phân vân (*Bình thường*); 4: Đồng ý (*Hài lòng*); 5: Hoàn toàn đồng ý (*Hoàn toàn hài lòng*).

| STT | Tiêu chí đánh giá | Số lượng và mức độ đánh giá (Tỷ lệ %) | | | | | | | | | |
|-----|--|---------------------------------------|-------|--------------|-------|----------|-------|--------|--------|------------------|--------|
| | | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| I | MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 2 | 2.06% | 39 | 40.21% | 55 | 56.70% |
| 2 | Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết, thực hành và thực tập là hợp lý | 1 | 1.03% | 3 | 3.09% | 5 | 5.15% | 39 | 40.21% | 49 | 50.52% |
| 3 | Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo | 1 | 1.03% | 1 | 1.03% | 3 | 3.09% | 39 | 40.21% | 53 | 54.64% |
| 4 | Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 41 | 42.27% | 51 | 52.58% |

| | | | | | | | | | | | |
|-----|---|-------------------------------|----------|---------------------|----------|-----------------|----------|---------------|----------|-------------------------|----------|
| 5 | Tâm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến rộng rãi và đáp ứng sự hài lòng của bạn | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 43 | 44.33% | 49 | 50.52% |
| 6 | Chương trình đào tạo đáp ứng được mong đợi của người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 6 | 6.19% | 43 | 44.33% | 47 | 48.45% |
| II | TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 7 | Bạn được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (Chuẩn đầu ra, đề cương, phương pháp học, tài liệu học tập) | 2 | 2.06% | 1 | 1.03% | 3 | 3.09% | 39 | 40.21% | 52 | 53.61% |
| 8 | Thông tin về hoạt động kiểm tra, đánh giá được thông báo công khai và phổ biến đầy đủ đến người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 3 | 3.09% | 43 | 44.33% | 50 | 51.55% |
| 9 | Kết quả học tập được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời giúp người học cải tiến học tập | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 42 | 43.30% | 50 | 51.55% |
| 10 | Bạn được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/học phần | 2 | 2.06% | 0 | 0.00% | 7 | 7.22% | 40 | 41.24% | 48 | 49.48% |
| III | CƠ SỞ VẬT CHẤT | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 11 | Nguồn học liệu của thư viện đáp ứng đủ nhu cầu của người học | 1 | 1.03% | 2 | 2.06% | 6 | 6.19% | 42 | 43.30% | 46 | 47.42% |
| 12 | Giảng đường và các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu của người học | 1 | 1.03% | 2 | 2.06% | 5 | 5.15% | 47 | 48.45% | 42 | 43.30% |

| | | | | | | | | | | | |
|----|---|-------------------------------|----------|---------------------|----------|-----------------|----------|---------------|----------|-------------------------|----------|
| 13 | Phòng thực hành, phòng thí nghiệm có đầy đủ các trang thiết bị, máy móc đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học. | 1 | 1.03% | 1 | 1.03% | 5 | 5.15% | 47 | 48.45% | 43 | 44.33% |
| 14 | Ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 50 | 51.55% | 42 | 43.30% |
| 15 | Cảnh quan, môi trường học tập sạch đẹp, tạo cảm giác thoải mái cho người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 6 | 6.19% | 44 | 45.36% | 46 | 47.42% |
| IV | HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ SINH VIÊN | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 16 | Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập | 1 | 1.03% | 1 | 1.03% | 6 | 6.19% | 34 | 35.05% | 55 | 56.70% |
| 17 | Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các khuyến nghị của sinh viên | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 5 | 5.15% | 39 | 40.21% | 52 | 53.61% |
| 18 | Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng nhu cầu của người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 5 | 5.15% | 39 | 40.21% | 52 | 53.61% |
| 19 | Nhà trường chăm sóc tốt sức khỏe cho người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 7 | 7.22% | 37 | 38.14% | 52 | 53.61% |
| 20 | Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi sinh viên gặp khó khăn | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 6 | 6.19% | 37 | 38.14% | 53 | 54.64% |
| 21 | Người học luôn được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 5 | 5.15% | 38 | 39.18% | 53 | 54.64% |
| 22 | Các hoạt động học thuật (trong và ngoài chương trình đào tạo) giúp sinh viên có ý thức, kỹ năng tự học và học nâng cao | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 37 | 38.14% | 55 | 56.70% |
| 23 | Sinh viên được giải đáp kịp thời những thắc mắc và kiến nghị về các hoạt động đào tạo của Nhà trường | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 8 | 8.25% | 36 | 37.11% | 52 | 53.61% |

| | | | | | | | | | | | |
|----|--|-------------------------------|----------|---------------------|----------|-----------------|----------|---------------|----------|-------------------------|----------|
| 24 | Bạn hài lòng về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 4 | 4.12% | 36 | 37.11% | 56 | 57.73% |
| V | HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 25 | Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, khách quan, công bằng | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 2 | 2.06% | 40 | 41.24% | 54 | 55.67% |
| 26 | Người học hài lòng về hoạt động kiểm tra, đánh giá | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 5 | 5.15% | 37 | 38.14% | 54 | 55.67% |
| VI | HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ, KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG | Hoàn toàn không đồng ý | | Không đồng ý | | Phân vân | | Đồng ý | | Hoàn toàn đồng ý | |
| | | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 27 | Nhà trường có những chính sách hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 1 | 1.03% | 45 | 46.39% | 50 | 51.55% |
| 28 | Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng phong phú, mang lại ý nghĩa thiết thực cho sinh viên | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 8 | 8.25% | 38 | 39.18% | 50 | 51.55% |
| 29 | Thời gian tổ chức các hoạt động linh hoạt, phù hợp với sinh viên | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 6 | 6.19% | 40 | 41.24% | 50 | 51.55% |
| 30 | Các hoạt động đoàn, hội tác động tích cực, thiết thực cho người học | 1 | 1.03% | 0 | 0.00% | 6 | 6.19% | 39 | 40.21% | 51 | 52.58% |

Những ý kiến đánh giá sự hài lòng của người học khi học tập tại trường:

31. Bạn vui lòng cho biết cán bộ/đơn vị mà bạn cảm thấy **HÀI LÒNG** nhất khi đến làm việc (tên đơn vị/cán bộ)?

Có 48 ý kiến, trong đó ngoài việc hài lòng một số Thầy Cô còn lại hài lòng về một số đơn vị và cán bộ trong đơn vị đó.

32. Bạn vui lòng cho biết cán bộ/đơn vị mà bạn cảm thấy **KHÔNG HÀI LÒNG** nhất khi đến làm việc (tên đơn vị/cán bộ)?

Có 1 ý kiến cho rằng cảm thấy không hài lòng về: Không chính xác thời gian học tập và không chính xác số tín chỉ phải học để hoàn thành tốt nghiệp vào đúng hạn.

33. Điều bạn cảm thấy hài lòng nhất khi học tập tại Trường?

Có 52 ý kiến chủ yếu tập trung vào: Giảng viên giỏi và nhiệt huyết trong giảng dạy; Khuôn viên rộng rãi, mát mẻ, không khí trong lành, môi trường yên tĩnh; Cơ sở trang thiết bị đầy đủ, bài giảng đầy đủ; Được học tập cân đối giữa lý thuyết và thực hành, bên cạnh đó được thực tập tại các quốc gia phát triển về chuyên ngành học; Được tham gia các hoạt động ngoại khóa; Được thực hành và thực tập nhiều; Được trang bị đầy đủ kiến thức kỹ năng; Gặp gỡ nhiều bạn mới và học được nhiều kiến thức mới; Hỗ trợ học phí cho sinh viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn(vùng 135); Kiến thức đa dạng, môi trường năng động, giảng viên chuyên nghiệp; Sinh viên được hưởng các chế độ của nhà trường; Nhà trường luôn tạo điều kiện để sinh viên có điều kiện học tập tốt nhất;...

34. Những ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo, môi trường học tập và rèn luyện của Nhà trường?

Có 21 ý kiến tập trung chủ yếu vào: Cần đầu tư cơ sở vật chất và nhiều thiết bị công nghệ hiện đại hơn nữa; Có thêm khu vui chơi giải trí và phòng học, phòng thực hành cho sinh viên; Tạo nhiều câu lạc bộ về học tập môn chuyên ngành nhiều hơn; Trong trường trình đào tạo của nhà trường nên xây dựng lại cho sát với thực tế liên tục thay đổi như hiện nay, các giáo trình nên được cập nhật thường xuyên và liên tục; Cần sắp xếp khung chương trình đúng trình tự hơn để lý thuyết và thực tập có thể hỗ trợ cho nhau; Quan tâm sinh viên nhiều hơn; Trường cần nâng cấp các trang thiết bị trong giảng đường và trong phòng thí nghiệm; Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, tạo thêm nhiều hoạt động ngoại khóa giúp bạn sinh viên có thể kết nối và học hỏi nhiều hơn;...

IV. Kiến nghị

- Để có kết quả 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp tham gia khảo sát, đề nghị Ban chủ nhiệm các khoa tuyên truyền, triển khai tới từng sinh viên của đơn vị mình trước khi tốt nghiệp tích cực tham gia vào việc khảo sát để Nhà trường có cơ sở cho việc điều chỉnh các lĩnh vực, hoạt động trong công tác đào tạo và nghiên cứu của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo người học đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Các đơn vị có liên quan đến nội dung phản hồi của người học với tỷ lệ hài lòng chưa cao cần có những tham mưu cho nhà trường và chủ động xây dựng kế hoạch khắc phục để nâng cao chất lượng trong công tác đào tạo của nhà trường.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên trước khi tốt nghiệp. Phòng Công tác HSSV xin báo cáo Ban Giám hiệu và các đơn vị trong nhà trường.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để B/cáo);
- Như kính gửi (để T/h);
- Lưu: VT, CT HSSV.

T/L HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CT HSSV
TRƯỞNG PHÒNG
ĐẠI HỌC
NÔNG LÂM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TS. Lê Quốc Tuấn



Nhằm giúp sinh viên ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động. Nhà trường triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên năm cuối về chương trình đào tạo, chất lượng của hoạt động quản lý, phục vụ và hỗ trợ đào tạo, Nhà trường rất mong nhận được ý kiến phản hồi của các bạn sinh viên năm cuối. Ý kiến của các bạn giúp Nhà trường đưa ra được các giải pháp nâng cao các hoạt động đào tạo. Thông tin trả lời của các bạn sẽ được giữ kín, vì vậy các bạn vui lòng trả lời thẳng thắn và khách quan các câu hỏi.

I. Thông tin chung

Khóa học:; Khoa:

Ngành học: Lớp:

II. Nội dung đánh giá

Lựa chọn một trong các số tương ứng bằng cách tích \checkmark vào phần lựa chọn điểm dưới đây theo suy nghĩ của bạn về từng vấn đề trong quá trình học tại trường, theo thang đánh giá:

Từ **THẤP** đến **CAO** với **1** là mức đánh giá thấp nhất, **5** là mức đánh giá cao nhất, với:

| | | | | |
|--|----------------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| 1: Hoàn toàn không đồng ý (Hoàn toàn không hài lòng) | 2: Không đồng ý (Không hài lòng) | 3: Phân vân (bình thường) | 4: Đồng ý (Hài lòng) | 5: Hoàn toàn đồng ý (Hoàn toàn hài lòng) |
|--|----------------------------------|---------------------------|----------------------|--|

| TT | Các vấn đề cần trả lời | Lựa chọn điểm | | | | |
|--|---|---------------|---|---|---|---|
| I. Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo | | | | | | |
| 1 | Chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết, thực hành và thực tập là hợp lý | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 3 | Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 4 | Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5 | Tâm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến rộng rãi và đáp ứng sự hài lòng của bạn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6 | Chương trình đào tạo đáp ứng được mong đợi của người học | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| II. Tổ chức quản lý và phục vụ đào tạo (Phòng QLCL) | | | | | | |
| 7 | Bạn được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (Chuẩn đầu ra, đề cương, phương pháp học, tài liệu học tập) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 8 | Thông tin về hoạt động kiểm tra, đánh giá được thông báo công khai và phổ biến đầy đủ đến người học | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9 | Kết quả học tập được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời giúp người học cải tiến học tập | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10 | Bạn được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/học phần | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| III. Cơ sở vật chất (Phòng QLCL) | | | | | | |
| 11 | Nguồn học liệu của thư viện đáp ứng đủ nhu cầu của người học | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 12 | Giảng đường và các trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đáp ứng yêu cầu của người học | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |

| | | | | | | |
|--|--|---|---|---|---|---|
| 13 | Phòng thực hành, phòng thí nghiệm có đầy đủ các trang thiết bị, máy móc đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học. | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 14 | Ký túc xá đáp ứng nhu cầu của người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 15 | Cảnh quan, môi trường học tập sạch đẹp, tạo cảm giác thoải mái cho người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| IV. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên | | | | | | |
| 16 | Cố vấn học tập (giáo viên chủ nhiệm) tích cực tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 17 | Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có thái độ hòa nhã, lắng nghe và giải quyết kịp thời các khuyến nghị của sinh viên | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 18 | Các hoạt động văn thể mỹ đáp ứng nhu cầu của người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 19 | Nhà trường chăm sóc tốt sức khỏe cho người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 20 | Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi sinh viên gặp khó khăn | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 21 | Người học luôn được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 22 | Các hoạt động học thuật (trong và ngoài chương trình đào tạo) giúp sinh viên có ý thức, kỹ năng tự học và học nâng cao | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 23 | Sinh viên được giải đáp kịp thời những thắc mắc và kiến nghị về các hoạt động đào tạo của Nhà trường | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 24 | Bạn hài lòng về tổng thể quá trình học tập và trải nghiệm đối với sự phát triển về kiến thức, năng lực và phẩm chất của bản thân | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| V. Hoạt động kiểm tra, đánh giá | | | | | | |
| 25 | Tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc, khách quan, công bằng | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 26 | Người học hài lòng về hoạt động kiểm tra, đánh giá | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| VI. Hoạt động đoàn thể, kết nối và phục vụ cộng đồng (Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo, Chế tạo sản phẩm NCKH phục vụ cộng đồng...) (phòng CHTHSSV) | | | | | | |
| 27 | Nhà trường có những chính sách hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 28 | Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng phong phú, mang lại ý nghĩa thiết thực cho sinh viên | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 29 | Thời gian tổ chức các hoạt động linh hoạt, phù hợp với sinh viên | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |
| 30 | Các hoạt động đoàn, hội tác động tích cực, thiết thực cho người học | ① | ② | ③ | ④ | ⑤ |

VII. Đánh giá của sự hài lòng của người học khi học tập tại trường

31. Bạn vui lòng cho biết cán bộ/đơn vị mà bạn cảm thấy **HÀI LÒNG** nhất khi đến làm việc (tên đơn vị/cán bộ):

32. Bạn vui lòng cho biết cán bộ/đơn vị mà bạn cảm thấy **KHÔNG HÀI LÒNG** nhất khi đến làm việc (tên đơn vị/cán bộ):

33. Điều bạn cảm thấy hài lòng nhất khi học tập tại Trường?

.....

34. Những ý kiến đóng góp cho chương trình đào tạo, môi trường học tập và rèn luyện của Nhà trường?

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các bạn!